

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi ĐKKHTT: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Phạm Hữu C, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2010, bà và ông Phạm Hữu C chung sống với nhau

như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài do không hòa hợp trong lối sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn, ông C không lo làm ăn. Bà và ông C đã không thể tự hòa giải, hàn gắn. Giữa bà và ông C không còn chung sống với nhau từ khoảng 03 năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Phạm Hữu C.

Về con chung: Có 03 người tên là Phạm Thị Kim T (giới tính nữ) sinh ngày 27/12/2010; Phạm Hữu N (giới tính nam), sinh ngày 08/8/2014 và Phạm Hữu T (giới tính nam), sinh ngày 24/11/2017. Hiện tại 03 người con chung đang do bà nuôi, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Hữu C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện Chính quyền địa phương xác định: Quá trình mâu thuẫn gia đình dẫn đến việc ly hôn giữa bà Huỳnh Thị D và ông Phạm Hữu C không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã hòa giải nên chính quyền địa phương không biết được tình trạng mâu thuẫn gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Huỳnh Thị D ly hôn với ông Phạm Hữu C. Về con chung, giao Phạm Thị Kim T (giới tính nữ) sinh ngày 27/12/2010; Phạm Hữu N (giới tính nam), sinh ngày 08/8/2014 và Phạm Hữu T (giới tính nam), sinh ngày 24/11/2017 cho bà Huỳnh Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông C phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông bà Huỳnh Thị D phải chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con buộc ông Phạm Hữu C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị D yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Hữu C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm Hữu C vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Hữu C.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị D và ông Phạm Hữu C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 19/3/2010. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị D và ông Phạm Hữu C được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Huỳnh Thị D xác định xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài do không hòa hợp trong lối sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn, ông C không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Bà và ông C đã không thể tự hòa giải, hàn gắn. Giữa bà và ông C không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung. Bà Huỳnh Thị D nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hữu C. Ông C vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị D và ông Phạm Hữu C đã và đang trầm trọng. Do đó, việc bà Huỳnh Thị D yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hữu C là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Huỳnh Thị D xác định có 03 người con chung tên là Phạm Thị Kim T (giới tính nữ) sinh ngày 27/12/2010; Phạm Hữu N (giới tính nam), sinh ngày 08/8/2014 và Phạm Hữu T (giới tính nam), sinh ngày 24/11/2017 hiện do bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 03 người con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, con chung hiện do bà D nuôi, việc tiếp tục giao con chung cho bà D nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, Phạm Thị Kim T có ý kiến bằng văn bản là muốn tiếp tục chung sống với bà D. Ông C không trực tiếp nuôi con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng cho đến khi 03 người con chung thành niên có khả năng tự lao động sinh sống. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Do đó, quan điểm Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị D phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, ông Phạm Hữu C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị D ly hôn với ông Phạm Hữu C.

2. Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Thị D chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Thị Kim T (giới tính nữ) sinh ngày 27/12/2010; Phạm Hữu N (giới tính nam), sinh ngày 08/8/2014 và Phạm Hữu T (giới tính nam), sinh ngày 24/11/2017 cho đến khi Phạm Thị Kim T, Phạm Hữu N và Phạm Hữu T đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Buộc ông Phạm Hữu C phải cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau:

- Mức cấp dưỡng: 745.000 đồng x 3 người con = 2.235.000 đồng..
- Phương thức cấp dưỡng: Được thực hiện định kỳ hàng tháng.
- Thời gian cấp dưỡng: Được tính kể từ ngày 17/6/2020 (ngày tuyên án sơ thẩm), cấp dưỡng cho đến khi Phạm Thị Kim T, Phạm Hữu N và Phạm Hữu T đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền (cấp dưỡng) thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Phạm Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh Thị D đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019873, ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Hữu C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân
(khi án có hiệu lực);
- UBND xã N, huyện P,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước